

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 110/2023/DS-ST
Ngày 21 - 7 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Song Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé

Ông Đinh Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 207/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Châu Văn S**, sinh năm 1966 - Chủ hộ kinh doanh (vắng mặt);

Địa chỉ: **Số nhà B, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An.**

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: **Số A, khu phố H, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An** (theo giấy ủy quyền ngày 22 tháng 5 năm 2023).

- Bị đơn:

1. Ông **Lê Văn Chí T**, sinh năm 1963 (có mặt);

2. Bà **Trần Thị Kim M**, sinh năm 1966 (có mặt);

Cùng địa chỉ: **Số nhà A, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Long An.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 5 năm 2023 và quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị Kim H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa ông **Châu Văn S** là chủ hộ kinh doanh với ông **Lê Văn Chí T**, bà **Trần Thị Kim M** có thỏa thuận mua bán thức ăn nuôi, thuốc thủy sản và tôm giống, tính đến ngày 11 tháng 11 năm 2020 thì ông **T**, bà **M** nợ ông **S** với số tiền là 331.618.000đ (ba trăm ba mươi một triệu sáu trăm mười tám nghìn đồng), đồng thời, ông **Châu Văn S** là chủ hộ kinh doanh tiếp tục bán thức ăn nuôi tôm cho ông **T**, bà **M** ngày 11 tháng 11 năm 2020 đến ngày 26 tháng 7 năm 2021 với số tiền nợ là 448.770.000đ (bốn trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng), ngày 26 tháng 7 năm 2021 mua tôm giống với số tiền nợ 11.300.000đ (mười một triệu ba trăm nghìn đồng), tổng nợ đến ngày 26 tháng 7 năm 2021 với số tiền 460.070.000đ (bốn trăm sáu mươi triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng).

Tiếp đến từ ngày 05 tháng 10 năm 2021 đến ngày 20 tháng 12 năm 2021 thì ông **T**, bà **M** nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm của ông **S** cộng với nợ cũ với số tiền là 543.895.000đ (năm trăm bốn mươi ba triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Ngày 26 tháng 9 năm 2021, ông **T**, bà **M** đã trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng), Ngày 20 tháng 12 năm 2021, ông **T**, bà **M** đã trả tiếp 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), còn nợ lại số tiền là 524.895.000đ (năm trăm hai mươi bốn triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Tiếp đến từ ngày 08 tháng 01 năm 2022 ông **T**, bà **M** nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm của ông **S** là 4.930.000đ (bốn triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng) cộng với nợ cũ với số tiền là 529.825.000đ (năm trăm hai mươi chín triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Ngày 08 tháng 01 năm 2022, ông **T**, bà **M** đã trả 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), còn nợ lại là 499.825.000đ (bốn trăm chín mươi chín triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Tiếp đến từ ngày 06 tháng 02 năm 2022 đến ngày 19 tháng 4 năm 2022 thì ông **T**, bà **M** nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm của ông **S** cộng với nợ cũ thì số tiền còn nợ là 534.525.000đ (năm trăm ba mươi bốn triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, ông **T**, bà **M** đã trả 6.800.000đ (sáu triệu tám trăm nghìn đồng), ngày 20 tháng 4 năm 2022, ông **Lê Văn Chí T**, bà **Trần Thị Kim M** trả tiếp số tiền 25.000.000đ (mười lăm triệu đồng), còn nợ lại số tiền là 502.275.000đ (năm trăm lẻ hai triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Ông **S** nhiều lần yêu cầu ông **T**, bà **M** trả tiền nhưng ông **T**, bà **M** chưa trả. Do đó, Ông **Châu Văn S** - Chủ hộ kinh doanh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Lê Văn Chí T**, bà **Trần Thị Kim M** liên đới trả tổng số tiền nợ là 502.275.000đ (năm trăm lẻ hai triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Hạn cuối cùng trả toàn bộ số tiền là 10 tháng 9 năm 2023.

*Ông **Lê Văn Chí T** là bị đơn trình bày:*

Phía nguyên đơn trình bày về việc nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm, tôm giống, thuốc nuôi tôm là đúng, hiện nay, ông và bà **Trần Thị Kim M** là vợ ông còn nợ ông **Châu Văn S** - Chủ hộ kinh doanh với tổng số tiền nợ là 502.275.000đ (năm trăm lẻ hai triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), ông và **M** đồng ý trả cho ông **S** số tiền 502.275.000đ (năm trăm lẻ hai triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) nhưng hiện nay kinh tế gia đình gặp rất nhiều khó khăn nên ông yêu cầu ông **Châu Văn S** cho vợ chồng ông trả dần, mỗi năm trả 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho đến khi xong nợ. Trường hợp ông và bà **M** chuyển nhượng được quyền sử dụng đất cho người khác thì ông và bà **M** trả tiền cho ông **S** ngay sau khi nhận được tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

*Bà **Trần Thị Kim M** là bị đơn trình bày:*

Phía nguyên đơn trình bày về việc nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm, tôm giống, thuốc nuôi tôm là đúng, hiện nay, bà và ông **Lê Văn Chí T** còn nợ ông **Châu Văn S** - Chủ hộ kinh doanh với tổng số tiền nợ là 502.275.000đ (năm trăm lẻ hai triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), bà và ông **T** đồng ý trả cho ông **Châu Văn S** số tiền 502.275.000đ (năm trăm lẻ hai triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) nhưng hiện nay kinh tế gia đình gặp rất nhiều khó khăn nên bà yêu cầu ông **Châu Văn S** cho vợ chồng bà trả dần, mỗi năm trả 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho đến khi xong nợ.

*Bà **Nguyễn Thị Kim H** là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thống nhất với cách thức trả tiền của phía bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của ông **Châu Văn S** - Chủ hộ kinh doanh và nơi cư trú của ông **Lê Văn Chí T**, bà **Trần Thị Kim M**, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn phù hợp với lời trình bày của ông **Lê Văn Chí T**, bà **Trần Thị Kim M** nên có cơ sở xác định: Ông **Lê Văn Chí T**, bà **Trần Thị Kim M** có mua thức ăn nuôi, thuốc thủy sản, tôm giống của ông **Châu Văn S** - Chủ hộ kinh doanh và còn nợ tiền ông **Châu Văn S** - Chủ hộ kinh doanh nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản.

[3] Ông **Châu Văn S** - Chủ hộ kinh doanh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Lê Văn Chí T**, bà **Trần Thị Kim M** liên đới trả số tiền còn nợ với tổng số tiền là 502.275.000đ (năm trăm lẻ hai triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Ông **Lê Văn Chí T**, bà **Trần Thị Kim M** đã thừa nhận nợ và đồng ý trả cho ông **Châu Văn S** - Chủ hộ kinh doanh. Do đó, yêu cầu của ông **Châu Văn S** - Chủ hộ kinh doanh là có căn cứ, phù hợp với giấy ghi nợ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận về tổng số tiền yêu cầu.

Giữa ông **Châu Văn S** - Chủ hộ kinh doanh với ông **Lê Văn Chí T**, bà **Trần Thị Kim M** không thỏa thuận được với nhau về thời gian trả tiền: Ông **Lê Văn Chí T**, bà **Trần Thị Kim M** cho rằng hiện nay kinh tế gia đình gặp rất nhiều khó khăn nên ông **T**, bà **M** yêu cầu ông **Châu Văn S** cho vợ chồng ông **T** và bà **M** trả dần, mỗi năm trả 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho đến khi xong nợ. Trường hợp ông **T** và bà **M** chuyển nhượng được quyền sử dụng đất cho người khác thì ông **T** và bà **M** trả tiền cho ông **S** ngay sau khi nhận được tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng không được phía nguyên đơn chấp nhận nên không có căn cứ xem xét yêu cầu của ông **Lê Văn Chí T**, bà **Trần Thị Kim M**.

Ông **Châu Văn S** - Chủ hộ kinh doanh không yêu cầu tính lãi chậm trả nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Buộc ông **Lê Văn Chí T**, bà **Trần Thị Kim M** có nghĩa vụ liên đới trả cho ông **Châu Văn S** - Chủ hộ kinh doanh với tổng số tiền là 502.275.000đ (năm trăm lẻ hai triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

[4] Việc ông **Lê Văn Chí T**, bà **Trần Thị Kim M** trả số tiền nêu trên cho ông **Châu Văn S** - Chủ hộ kinh doanh vào thời gian nào, bao nhiêu lần thì các bên có quyền thỏa thuận, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông **Châu Văn S** - Chủ hộ kinh doanh không phải chịu, ông **S** - Chủ hộ kinh doanh đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 12.045.500đ (mười hai triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng) được nhận lại.

Ông **Lê Văn Chí T** là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí đúng theo quy định nên căn cứ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho ông **Lê Văn Chí T** với số tiền là 12.045.500đ (mười hai triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Bà **Trần Thị Kim M** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 12.045.500đ (mười hai triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Áp dụng các Điều 288, Điều 430, 440, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Châu Văn S** - Chủ hộ kinh doanh về việc buộc ông **Lê Văn Chí T**, bà **Trần Thị Kim M** liên đới trả tiền mua bán tài sản.

Buộc ông **Lê Văn Chí T**, bà **Trần Thị Kim M** có nghĩa vụ liên đới trả cho ông **Châu Văn S** - Chủ hộ kinh doanh tổng số tiền là 502.275.000đ (năm trăm lẻ hai triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì phải trả lãi phát sinh trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Ông **Châu Văn S** - Chủ hộ kinh doanh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông **Châu Văn S** - Chủ hộ kinh doanh đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 12.045.500đ (mười hai triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng), theo biên lai số 0006937 ngày 08 tháng 6 năm 2023 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành được nhận lại.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho ông **Lê Văn Chí T** với số tiền 12.045.500đ (mười hai triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Bà **Trần Thị Kim M** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 12.045.500đ (mười hai triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

3. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An (1b);
- VKSND huyện Châu Thành (2b);
- Chi cục THA huyện C (1b);
- Các đương sự (1b);
- Lưu HS (1b); Lưu VT (1b).

Diệp Song T1